

Bảng Điểm Môn Học

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn học: Kế toán ngân hàng 1 (ACCO2619T)

Lớp: NH11C1

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
1	1100500006	Nguyễn Thị Trường	An	8.0	8.0	6.0		7.0	
2	1100500007	Trương Trần Thúy	An	8.0	8.0	0.0		4.0	
3	1100500013	Lê Thị Ngọc	Anh	8.0	8.0	0.0		4.0	
4	1100500020	Trần Nguyễn Vân	Anh	8.0	8.0	0.0		4.0	
5	1100500037	Nguyễn Duy	Cường	8.0	8.0	1.0		4.5	
6	1100500038	Trần Quốc	Cường	8.0	8.0	0.0		4.0	
7	1100500039	Trần Thái	Dân	7.0	7.0	0.0		3.5	
8	1100500045	Nguyễn Phương	Dung	8.0	8.0	5.0		6.5	
9	1100500046	Phạm Thị Tuyết	Dung	8.0	8.0	6.0		7.0	
10	1100500047	Nguyễn Minh	Dũng	8.0	8.0	0.0		4.0	
11	1100500050	Lê Thị Kiều	Duyên	8.0	8.0	5.0		6.5	
12	1100500059	Nguyễn Văn	Đạt	8.0	8.0	0.0		4.0	
13	1100500064	Phạm Hoài Ngọc	Đức	8.0	7.0	0.0		3.7	
14	1100500067	Lê Thị Hương	Giang	8.0	7.0	0.0		3.7	
15	1100500069	Võ Nữ Trường	Giang	7.0	7.0	7.0		7.0	
16	1100500071	Trần Thụy Trúc	Giao	8.0	8.0	6.0		7.0	
17	1100500076	Nguyễn Dương	Hà	8.0	8.0	2.0		5.0	
18	1100500077	Trần Cao Thị Ngọc	Hà	8.0	8.0	6.0		7.0	
19	1100500079	Trần Thị Thanh	Hà	8.0	8.0	3.0		5.5	
20	1100500091	Lâm Văn	Hiệp	7.0	8.0	0.0		3.9	
21	1100500092	Nguyễn Khánh	Hiệp	7.0	8.0	2.0		4.9	
22	1100500095	Lai Trung	Hiếu	7.0	8.0	6.0		6.9	
23	1100500104	Đoàn Cẩm Thanh	Hoàng	8.0	8.0	5.0		6.5	
24	1100500108	Nguyễn Thiên	Hông	8.0	7.0	0.0		3.7	
25	1100500115	Trần Chí	Hùng	8.0	8.0	0.0		4.0	
26	1100500123	Trần Ngọc	Huyền	8.0	8.0	5.0		6.5	
27	1100500129	Trần Thị Kim	Khánh	8.0	8.0	4.0		6.0	
28	1100500130	Huỳnh Ngọc Minh	Khoa	7.0	8.0	0.0		3.9	
29	1100500131	Nguyễn Trọng	Khôi	8.0	8.0	5.0		6.5	
30	1100500133	Cao Bảnh	Khương	7.0	7.0	0.0		3.5	
31	1100500147	Phạm Thị Bé	Liên	7.0	8.0	7.0		7.4	
32	1100500148	Võ Thị	Liên	7.0	8.0	5.0		6.4	
33	1100500158	Võ Thị Thảo	Linh	8.0	8.0	5.0		6.5	
34	1100500163	Phạm Khắc	Lộc	7.0	7.0	5.0		6.0	
35	1100500167	Nguyễn Thanh	Luân	7.0	8.0	4.0		5.9	
36	1100500179	Nguyễn Thị Tiểu	My	8.0	7.0	5.0		6.2	
37	1100500187	Nguyễn Quỳnh Kim	Ngân	8.0	8.0	5.0		6.5	
38	1100500190	Trần Thị Kim	Ngân	8.0	8.0	5.0		6.5	
39	1100500193	Lê Bùi Trâm	Ngọc	8.0	8.0	6.0		7.0	
40	1100500200	Trần Thị Kim	Ngọc	8.0	8.0	5.0		6.5	

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Bảng Điểm Môn Học

Môn học: Kế toán ngân hàng 1 (ACC02619T)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
41	1100500208	Trần Thị Trang	Nhã	7.0	8.0	4.0		5.9	
42	1100500214	Huỳnh Thảo	Nhi	8.0	7.0	6.0		6.7	
43	1100500219	Đỗ Hồng	Nhung	8.0	7.0	6.0		6.7	
44	1100500224	Nguyễn Thị	Nở	8.0	7.0	6.0		6.7	
45	1100500230	Đàm Văn	Phong	8.0	7.0	5.0		6.2	
46	1100500234	Dương Văn	Phú	7.0	7.0	0.0		3.5	
47	1100500236	Võ Hữu	Phú	7.0	7.0	5.0		6.0	
48	1100500238	Hương Phạm Các	Phụng	8.0	7.0	6.0		6.7	
49	1000500294	Đỗ Thị Bích	Phương	8.0	8.0	0.0		4.0	
50	1100500245	Lê Duy	Phương	8.0	7.0	0.0		3.7	
51	1100500246	Lê Thị Hồng	Phương	8.0	7.0	4.0		5.7	
52	1100500248	Nguyễn Thị Bích	Phương	8.0	8.0	0.0		4.0	
53	1100500250	Nguyễn Thị Trúc	Phương	7.0	8.0	0.0		3.9	
54	1100500251	Nguyễn Tô Thanh	Phương	7.0	8.0	3.0		5.4	
55	1100500256	Nguyễn Thị Minh	Phượng	7.0	8.0	5.0		6.4	
56	1100500254	Trần Nguyễn Minh	Phượng	7.0	8.0	0.0		3.9	
57	1100500259	Trần Nhật	Quang	8.0	8.0	0.0		4.0	
58	1100500263	Lê Nguyễn Tố	Quyên	8.0	8.0	3.0		5.5	
59	1100500266	Lý Khải	Quyên	7.0	8.0	0.0		3.9	
60	1100500273	Lâm Ngọc Bằng	Sơn	8.0	8.0	3.0		5.5	
61	1100500274	Lê Thanh	Sơn	7.0	8.0	5.0		6.4	
62	1100500277	Nguyễn Thị Hồng	Sương	8.0	8.0	0.0		4.0	
63	1100500278	Nguyễn Phước	Tài	7.0	8.0	0.0		3.9	
64	1100500281	Nguyễn Thị Minh	Tâm	7.0	7.0	6.0		6.5	
65	1100500291	Lưu Tú	Thanh	8.0	8.0	6.0		7.0	
66	1100500298	Diệp Thị Thạch	Thảo	8.0	8.0	0.0		4.0	
67	1100500300	Huỳnh Thanh	Thảo	8.0	8.0	4.0		6.0	
68	1100500301	Lê Bích	Thảo	8.0	8.0	6.0		7.0	
69	1000500598	Lê Thị Thu	Thảo	7.0	8.0	5.0		6.4	
70	1100500302	Mai Thị Thanh	Thảo	8.0	8.0	6.0		7.0	
71	1100500307	Trần Thị	Thảo	8.0	7.0	5.0		6.2	
72	1100500285	Lê Thị	Thắm	8.0	8.0	5.0		6.5	
73	1100500288	Nguyễn Quốc	Thắng	9.0	9.0	7.0		8.0	
74	1100500309	Lê Thị	Thật	7.0	7.0	6.0		6.5	
75	1100500310	Phan Thị Như	Thật	8.0	7.0	0.0		3.7	
76	1100500314	Hoàng Phúc	Thịnh	8.0	7.0	0.0		3.7	
77	1100500315	Phan Duy	Thịnh	8.0	7.0	5.0		6.2	
78	1100500317	Bùi Thị Mộng	Thu	8.0	7.0	5.0		6.2	
79	1100500325	Lê Ngọc	Thùy	7.0	7.0	7.0		7.0	
80	1100500329	Dương Văn	Thủy	7.0	7.0	0.0		3.5	
81	1100500324	Trần Thị Thu	Thúy	7.0	7.0	6.0		6.5	
82	1100500318	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	8.0	7.0	0.0		3.7	
83	1100500335	Mai Thùy	Tiên	8.0	7.0	6.0		6.7	
84	1100500342	Võ Nguyễn Tiến	Toàn	8.0	8.0	6.0		7.0	

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Bảng Điểm Môn Học

Môn học: Kế toán ngân hàng 1 (ACCO2619T)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
85	1100500343	Nguyễn Quốc	Toàn	7.0	7.0	0.0		3.5	
86	1100500354	Lê Thị Thùy	Trang	7.0	8.0	0.0		3.9	
87	1000500421	Ngô Thị Thùy	Trang	8.0	8.0	5.0		6.5	
88	1100500355	Nguyễn Thị Huyền	Trang	7.0	8.0	0.0		3.9	
89	1100500360	Thân Nguyễn Thùy	Trang	8.0	8.0	6.0		7.0	
90	1100500344	Hồ Thị Như	Trâm	7.0	7.0	5.0		6.0	
91	1100500351	Trần Thị Bảo	Trân	7.0	8.0	7.0		7.4	
92	1100500363	Trịnh Minh	Trí	8.0	8.0	5.0		6.5	
93	1100500364	Trương Tấn	Trí	8.0	8.0	4.0		6.0	
94	1100500367	Lê Thị Tuyết	Trinh	8.0	8.0	6.0		7.0	
95	1100500371	Nguyễn Thị Lan	Trinh	7.0	7.0	5.0		6.0	
96	1100500373	Huỳnh Phương	Trúc	7.0	7.0	7.0		7.0	
97	1100500377	Lê Trần Hoàng	Trung	7.0	7.0	6.0		6.5	
98	1100500386	Lê Anh	Tuấn	7.0	7.0	6.0		6.5	
99	1100500389	Phan Minh	Tuấn	7.0	7.0	5.0		6.0	
100	1100500393	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	8.0	8.0	0.0		4.0	
101	1100500394	Phạm Thị	Tuyền	7.0	7.0	6.0		6.5	
102	1100500400	Nguyễn Hoàng Tú	Uyên	8.0	7.0	6.0		6.7	
103	1100500401	Nguyễn Thị Phương	Uyên	7.0	7.0	0.0		3.5	
104	1100500402	Hoàng Thị	Vân	7.0	7.0	5.0		6.0	
105	1100500405	Phan Ngọc	Vân	7.0	7.0	1.0		4.0	
106	1100500408	Dương Trần Tường	Vi	8.0	7.0	1.0		4.2	
107	1100500410	Đặng Quang	Vinh	7.0	8.0	6.0		6.9	
108	1100500413	Nguyễn Quang	Vinh	7.0	7.0	0.0		3.5	
109	1100500403	Đặng Tiểu	Vũ	8.0	7.0	5.0		6.2	
110	1100500426	Nguyễn Thúy	Vy	8.0	7.0	0.0		3.7	
111	1100500429	Trần Thị Hoàng	Xuân	8.0	8.0	5.0		6.5	
112	1100500432	Hoàng Fi	Yến	8.0	8.0	0.0		4.0	

In Ngày 09/04/13

Tp. HCM, Ngày 09 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu